TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 659/2017/HNGĐ-PT
Ngày 25-7-2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Bích Loan
Ông Đỗ Giang

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Đinh Thị Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2017/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 về việc ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 294/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 498/2017/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Cẩm D, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 114/106/11 đường P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Đặng Thanh A, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 114/106/11 đường P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Nguyên đơn - Bà Lê Thị Cẩm D.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 06 năm 2016 và tài liệu chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là bà Lê Thị Cẩm D trình bày:

Bà và ông Đặng Thanh A tự nguyện chung sống, kết hôn vào năm 2003, giấy chứng nhận kết hôn số 106, ngày 02/07/2003 do Ủy ban nhân dân Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu có hạnh phúc, về sau thường xảy ra mâu thuẫn, đỉnh điểm là vào năm 2013, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm trong cách nuôi dạy con và việc chi tiêu trong gia đình, tuy hai bên vẫn còn chung sống một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn cùng ông A.

Về con chung: Bà và ông A có hai người con chung là Đặng Lê Anh T, sinh ngày 02/03/2005 (giới tính nữ) và Đặng Lê Bảo G, sinh ngày 01/06/2007 (giới tính nam), bà yêu cầu nuôi cả hai con chung, ông A cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Đặng Thanh A trình bày:

Việc chung sống và tạo lập cuộc sống chung vợ chồng đúng như bà D trình bày, hai bên có hai người con chung như bà D trình bày. Do ông còn thương vợ con, hai con còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cha và mẹ, nên ông yêu cầu được hòa giải đoàn tụ, không đồng ý ly hôn với bà D.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà D và ông Minh giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa phát biểu:

Vụ án thụ lý, giải quyết đúng theo trình tự tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do ông A còn thương vợ con và để bà D có thời gian suy nghĩ lại tạo cơ hội đoàn tụ gia đình.

Tại bản án sơ thẩm số 294/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 71, Điều 72, Khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53 và Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 8 và Khoản 10 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Cẩm D.

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D nên hội đồng xét xử không xem xét về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 025025, ngày 07/07/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật dịnh.

Ngày 21/04/2017 nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm về việc ly hôn. Bà cho rằng ông A đã hành hung đe dọa bà, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn là chính đáng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là bà D trình bày: Bà yêu cầu được ly hôn và giao hai con chung cho ông A trực tiếp nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung bà không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông A trình bày: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D và đồng ý nhận nuôi dạy hai con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung ông không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận T đưa vụ án ra xét xử ngày 12/04/2017, đến ngày 20/04/2017 bà D kháng cáo. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo trong hạn luật định.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đương sự đã thỏa thuận với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án, ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự, bà D và ông A thuận tình ly hôn; Giao hai con chung là trẻ Đặng Lê Anh T, sinh ngày 02/03/2005 (giới tính nữ) và Đặng Lê Bảo G, sinh ngày 01/06/2007 (giới tính nam) cho ông A trực tiếp nuôi

dạy, bà D không cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Cẩm D làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên đươc chấp nhận xem xét.

Về nội dung kháng cáo:

Bà D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận đơn khởi kiện của bà. Chấp nhận cho bà được ly hôn với ông A; Bà được nuôi hai con chung và ông A cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/hai con/tháng. Không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm hai bên đương sự thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án:

Về hôn nhân: Ông A đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà D.

Về con chung: Bà D yêu cầu giao hai con chung là trẻ Đặng Lê Anh T, sinh ngày 02/03/2005 (giới tính nữ) và trẻ Đặng Lê Bảo G, sinh ngày 01/06/2007 (giới tính nam) cho ông A trực tiếp nuôi dạy, ông A chấp nhận yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông A và bà D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Việc thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa là tự nguyện, không trái với pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 thì bà D phải nộp án phí sơ thẩm là 200.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do đương sự hai bên thống nhất thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án, căn cứ vào Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà D là người kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm.

Với những chứng cứ kể trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm với sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 300 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015.

- Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà Lê Thị Cẩm D.

Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự như sau:

1/ Về hôn nhân: Bà Lê Thị Cẩm D và ông Đặng Thanh A thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà D chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 02/07/2003 do Uỷ ban nhân dân Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam cấp không còn giá trị.

2/ Về nuôi dưỡng con chung: Giao con chung là trẻ Đặng Lê Anh T, sinh ngày 02/03/2005 (giới tính nữ) và trẻ Đặng Lê Bảo G, sinh ngày 01/06/2007 (giới tính nam) cho ông A trực tiếp nuôi dạy, bà D không phải cấp dưỡng nuôi con do ông A không yêu cầu.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4/ Về án phí:

4.1/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Cẩm D phải nộp là 200.000 đồng, được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai số AA/2016/0025025, ngày 07/07/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

4.2/ Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị Cẩm D phải nộp án phí nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà D đã tạm ứng là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0009006 ngày 21/04/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND Phường 08, quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Hạnh